



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

- Kiểm toán
- Tư vấn Thuế
- Tư vấn Tài chính
- Thẩm định giá và xác định giá trị doanh nghiệp
- Audit
- Tax advisory
- Financial advisory
- Valuation

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26

5102
CỔ
KIỂM
V.
VH
19/11/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI

Số 170, Đường La Thành, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Diệu Trinh

Bà Bùi Thị Minh Tâm

Bà Đỗ Thị Nga

Ông Đào Đình Tâm

Ông Nguyễn Việt Cường

Bà Nguyễn Thị Kim Loan

Bà Nguyễn Thị Thơm

Chủ tịch (tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2024)

Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2024)

Thành viên

Thành viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2024)

Thành viên (miễn nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2024)

Thành viên

Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Phạm Thị Tuấn

Ông Bùi Hữu Việt

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Phạm Thị Tuấn - Tổng Giám đốc Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các Chính sách Kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Loan

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Thị Tuân
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2025

Số: 089/VACO/BCKIT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 21 tháng 3 năm 2025, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Phương Lan
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0917-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Việt Thiệu
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 4244-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		85.500.329.868	79.365.975.234
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	6.724.048.942	40.471.368.730
1. Tiền	111		6.724.048.942	8.138.998.866
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	32.332.369.864
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		52.554.695.847	13.236.448.381
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	52.554.695.847	13.236.448.381
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.297.862.130	1.030.291.247
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	3.208.833.969	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	111.500.000	566.922.800
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.977.528.161	463.368.447
IV. Hàng tồn kho	140		20.910.046.449	24.601.855.398
1. Hàng tồn kho	141	9	20.910.046.449	24.601.855.398
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.676.500	26.011.478
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	5.496.728
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	13.676.500	20.514.750
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.162.484.560	19.174.709.310
I. Tài sản cố định	220		19.162.484.560	19.174.709.310
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	16.320.742.934	16.237.586.992
- Nguyên giá	222		62.881.967.980	61.019.964.988
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(46.561.225.046)	(44.782.377.996)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	2.841.741.626	2.937.122.318
- Nguyên giá	228		4.609.713.164	4.609.713.164
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.767.971.538)	(1.672.590.846)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		104.662.814.428	98.540.684.544

Quan

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		12.833.847.101	15.829.700.035
I. Nợ ngắn hạn	310		12.833.847.101	15.829.700.035
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	1.809.011.026	1.807.017.408
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	525.354.635	618.860.738
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	1.260.663.928	778.379.002
4. Phải trả người lao động	314		3.558.774.246	2.471.646.422
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		234.865.926	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	220.913.663	6.387.032.788
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	16	3.800.000.000	2.600.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.424.263.677	1.166.763.677
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		91.828.967.327	82.710.984.509
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	91.828.967.327	82.710.984.509
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		62.909.000.000	62.909.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		62.909.000.000	62.909.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.586.780.000	2.586.780.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.414.000.000	1.644.000.000
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.700.000.000	3.700.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế	421		20.219.187.327	11.871.204.509
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.137.304.509	2.806.227.777
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	421b		16.081.882.818	9.064.976.732
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		104.662.814.428	98.540.684.544



Phạm Thị Tuân
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2025

Ngô Hồng Minh
Kế toán trưởng

Ngô Hồng Minh
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	85.648.992.541	89.968.716.872
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		85.648.992.541	89.968.716.872
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	19	49.267.049.437	56.179.991.397
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		36.381.943.104	33.788.725.475
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	2.591.683.375	3.944.890.452
7. Chi phí bán hàng	25	22	3.782.689.470	4.022.563.914
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	15.190.937.010	14.044.385.347
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - 25 - 26}	30		19.999.999.999	19.666.666.666
10. Thu nhập khác	31		284.455.811	25.111.191
11. Chi phí khác	32		1.830	140.692
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		284.453.981	24.970.499
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		20.284.453.980	19.691.637.165
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	4.202.571.162	4.335.760.433
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		16.081.882.818	15.355.876.732
16. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	2.556	2.334



Phạm Thị Tuân
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2025

Ngô Hồng Minh
Kế toán trưởng

Ngô Hồng Minh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	84.607.140.171	101.156.130.406
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(37.727.366.730)	(51.882.095.953)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(19.633.203.231)	(16.592.592.345)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(4.121.014.925)	(4.398.021.814)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	251.652.749	35.025.790
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(3.609.555.846)	(13.550.360.594)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	19.767.652.188	14.768.085.490
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.970.713.558)	(549.229.450)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	284.454.545	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(76.700.229.908)	(68.236.448.381)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	37.381.982.442	80.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.077.104.803	4.570.624.745
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(40.927.401.676)	15.784.946.914
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.587.570.300)	(6.279.844.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.587.570.300)	(6.279.844.850)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(33.747.319.788)	24.273.187.554
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	40.471.368.730	16.198.181.176
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	6.724.048.942	40.471.368.730



Phạm Thị Tuấn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2025

Ngô Hồng Minh
Kế toán trưởng

Ngô Hồng Minh
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") thành lập theo Quyết định số 8103/QĐ-UB ngày 27 tháng 11 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước Xí nghiệp Dược phẩm Hà Nội thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101337659 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2002 và được sửa đổi lần thứ 13 ngày 21 tháng 7 năm 2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 62.909.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 71 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 71 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh thuốc chữa bệnh, phòng bệnh phục vụ sức khỏe cho người;
- Sản xuất mỹ phẩm;
- Xuất khẩu dược liệu, tinh dầu, dược phẩm, nông lâm sản;
- Nhập khẩu nguyên liệu, phụ liệu, bao bì, thuốc thành phẩm, thuốc thực phẩm, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế;
- Cho thuê văn phòng làm việc và kho chứa hàng hóa, nguyên liệu, bao bì, thành phẩm dược phẩm, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế;
- Sản xuất thảm, chăn đệm;
- May trang phục;
- Buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Sản xuất kinh doanh dược phẩm chức năng;
- Kinh doanh bất động sản.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu, chi tiết: Sản xuất thuốc chữa bệnh, phòng bệnh, phục vụ sức khỏe cho người.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 có thể so sánh được với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, các loại tài sản và nợ phải trả được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối kỳ lập báo cáo. Tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

Khau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	01 - 26
Máy móc, thiết bị	01 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	10 - 20

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê đất.

Tài sản cố định vô hình khác là phần mềm kế toán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi bù lỗ năm trước thì được phân phối cho các cổ đông, bù đắp các khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế, sau đó trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà
Công ty TNHH Kinh doanh Dược Thiên Thành

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát,
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Mối quan hệ

Cổ đông lớn (Ảnh hưởng đáng kể)
Tổ chức có liên quan của Bà Đỗ Thị Nga -
Thành viên Hội đồng Quản trị
Quản lý chủ chốt

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	51.304.000	23.076.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.672.744.942	8.115.922.866
Các khoản tương đương tiền	-	32.332.369.864
Cộng	6.724.048.942	40.471.368.730

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn (i)	52.554.695.847	13.236.448.381
Cộng	52.554.695.847	13.236.448.381

Ghi chú:

(i) Đây là khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng thương mại có kỳ hạn, lãi suất 5,10% - 5,70%/năm.

Trần

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Dược và Vật tư Y tế Trung Tâm	3.208.833.969	-
Cộng	3.208.833.969	-

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Tư vấn Giải pháp Môi trường Xanh	80.000.000	-
Công ty TNHH TB Máy móc Thiên An	-	562.922.800
Các đối tượng khác	31.500.000	4.000.000
Cộng	111.500.000	566.922.800

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tạm ứng	29.081.142	29.500.000
Lãi tiền gửi kỳ hạn dự thu	1.948.447.019	433.868.447
Cộng	1.977.528.161	463.368.447

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	14.690.268.701	-	16.985.944.465	-
Công cụ, dụng cụ	32.731.496	-	37.073.463	-
Chi phí SXKD dở dang	966.241.176	-	1.904.980.621	-
Thành phẩm	5.220.805.076	-	5.673.856.849	-
Cộng	20.910.046.449	-	24.601.855.398	-

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số đã thực nộp/thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu				
Các khoản thuế, phí khác	20.514.750	181.918.250	175.080.000	13.676.500
Cộng	20.514.750	181.918.250	175.080.000	13.676.500
b) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	1.743.639.671	1.498.096.953	245.542.718
Thuế thu nhập doanh nghiệp	617.633.370	4.202.571.162	4.121.014.925	699.189.607
Thuế thu nhập cá nhân	160.745.632	1.820.772.130	1.665.586.159	315.931.603
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	980.623.700	980.623.700	-
Cộng	778.379.002	8.747.606.663	8.265.321.737	1.260.663.928

Khan

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI
Số 170 Đường La Thành, Phường Ô Chợ Dừa,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		TSCĐ hữu hình khác		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ											
Số dư đầu năm	22.289.175.270	31.298.199.915	3.415.436.139	252.093.856	3.765.059.808	61.019.964.988					
- Mua trong năm	-	1.529.815.376	1.440.898.182	-	-	2.970.713.558					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(107.709.202)	(1.001.001.364)	-	-	(1.108.710.566)					
Số dư cuối năm	22.289.175.270	32.720.306.089	3.855.332.957	252.093.856	3.765.059.808	62.881.967.980					
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ											
Số dư đầu năm	10.661.697.975	27.130.896.648	3.030.437.947	217.558.331	3.741.787.095	44.782.377.996					
- Khấu hao trong năm	896.938.584	1.720.337.760	258.489.640	8.067.996	3.723.636	2.887.557.616					
- Thanh lý, nhượng bán		(107.709.202)	(1.001.001.364)	-		(1.108.710.566)					
Số dư cuối năm	11.558.636.559	28.743.525.206	2.287.926.223	225.626.327	3.745.510.731	46.561.225.046					
GIÁ TRỊ CÒN LẠI											
Tại ngày đầu năm	11.627.477.295	4.167.303.267	384.998.192	34.535.525	23.272.713	16.237.586.992					
Tại ngày cuối năm	10.730.538.711	3.976.780.883	1.567.406.734	26.467.529	19.549.077	16.320.742.934					

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng đang sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 30.621.809.438 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 24.518.002.315 VND).

tran

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng đất</u> VND	<u>Phần mềm máy tính</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	4.578.273.164	31.440.000	4.609.713.164
Số dư cuối năm	<u>4.578.273.164</u>	<u>31.440.000</u>	<u>4.609.713.164</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	1.641.150.846	31.440.000	1.672.590.846
- Khấu hao trong năm	95.380.692	-	95.380.692
Số dư cuối năm	<u>1.736.531.538</u>	<u>31.440.000</u>	<u>1.767.971.538</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	<u>2.937.122.318</u>	-	<u>2.937.122.318</u>
Tại ngày cuối năm	<u>2.841.741.626</u>	-	<u>2.841.741.626</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng đang sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 31.440.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 31.440.000 VND).

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty Cổ phần Bao bì ATP	-	-	874.929.060	874.929.060
Công ty Cổ phần Dược và Trang thiết bị Y tế Phúc Thịnh	836.830.575	836.830.575	559.944.000	559.944.000
Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp	254.883.507	254.883.507	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Bao bì và Thương mại Đức Thành	240.820.279	240.820.279	119.978.852	119.978.852
Các đối tượng khác	476.476.665	476.476.665	252.165.496	252.165.496
Cộng	<u>1.809.011.026</u>	<u>1.809.011.026</u>	<u>1.807.017.408</u>	<u>1.807.017.408</u>

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Bên liên quan	<u>14.930.736</u>	<u>9.689.061</u>
Công ty TNHH Kinh doanh Dược Thiên Thành	14.930.736	9.689.061
a) Các khách hàng khác	<u>510.423.899</u>	<u>609.171.677</u>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tín Phong	365.423.899	240.171.677
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Minh Quân	90.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Vinaplant	-	300.000.000
Các đối tượng khác	55.000.000	69.000.000
Cộng	<u>525.354.635</u>	<u>618.860.738</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải trả khác là Bên liên quan	63.331.200	-
Công ty TNHH Kinh doanh Dược Thiên Thành	63.331.200	-
b) Phải trả khác	157.582.463	6.387.032.788
Cổ tức phải trả	34.661.275	6.331.331.575
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	120.000.000	50.000.000
Các khoản phải trả khác	2.921.188	5.701.213
Cộng	220.913.663	6.387.032.788

16. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Quỹ dự phòng tiền lương (i)	1.800.000.000	1.600.000.000
Dự phòng sửa chữa tài sản (ii)	2.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	3.800.000.000	2.600.000.000

Ghi chú:

- (i) Khoản dự phòng tiền lương phải trả thực hiện theo Biên bản họp hội đồng xét thưởng số 3012/BBH-DHN ngày 30 tháng 12 năm 2024 được thông qua bởi các thành viên Hội đồng xét thưởng. Theo đó, Công ty thực hiện trích lập bổ sung quỹ dự phòng tiền lương tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 số tiền là 1.800.000.000 VND cho mục đích: Đảm bảo việc trả lương, thưởng, phúc lợi không bị gián đoạn.
- (ii) Đây là khoản dự phòng về chi phí sửa chữa, thay thế phục vụ công tác thẩm định WHO - GMP nhà máy tại địa chỉ Lô số 15-1, Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội giai đoạn 2024 - 2026 theo kế hoạch kinh doanh năm 2024.

Quản

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI
Số 170 Đường La Thành, Phường Ô Chợ Dừa,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm:

	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế	Cộng
Số dư đầu năm trước	62.909.000.000	2.586.780.000	1.000.000.000	3.700.000.000	10.611.727.777	80.807.507.777
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	15.355.876.732	15.355.876.732
Trích thường Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(483.600.000)	(483.600.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	644.000.000	-	(644.000.000)	-
Trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(387.000.000)	(387.000.000)
Cổ tức được chia năm 2022	-	-	-	-	(6.290.900.000)	(6.290.900.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2023	-	-	-	-	(6.290.900.000)	(6.290.900.000)
Số dư đầu năm nay	62.909.000.000	2.586.780.000	1.644.000.000	3.700.000.000	11.871.204.509	82.710.984.509
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	16.081.882.818	16.081.882.818
Trích thường Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (i)	-	-	-	-	(213.000.000)	(213.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	770.000.000	-	(770.000.000)	-
Trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023 (i)	-	-	-	-	(460.000.000)	(460.000.000)
Chia cổ tức đợt 2 năm 2023 (i)	-	-	-	-	(6.290.900.000)	(6.290.900.000)
Số dư cuối năm nay	62.909.000.000	2.586.780.000	2.414.000.000	3.700.000.000	20.219.187.327	91.828.967.327

Ghi chú:

- (i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 26 tháng 6 năm 2024, cụ thể như sau:
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 460.000.000 VND;
 - Trích quỹ đầu tư phát triển 770.000.000 VND; và
 - Chia cổ tức đợt 2 năm 2023 với tỷ lệ 10%

Handwritten signature

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Vốn điều lệ:

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 21 tháng 7 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là 62.909.100.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền VND	Tỷ lệ %	Số tiền VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	25.163.600.000	40,00%	25.163.600.000	40,00%
Bà Đỗ Thị Nga	12.456.430.000	19,80%	12.212.230.000	19,41%
Bà Nguyễn Diệu Trinh	9.788.240.000	15,56%	9.788.240.000	15,56%
Ông Nguyễn Đức Thắng	6.062.220.000	9,64%	6.062.220.000	9,64%
Các cổ đông khác	9.438.510.000	15,00%	9.682.710.000	15,39%
Cộng	62.909.000.000	100,00%	62.909.000.000	100,00%

Tình hình phát hành cổ phiếu:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.290.900	6.290.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.290.900	6.290.900
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.290.900	6.290.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.290.900	6.290.900
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.290.900	6.290.900
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán thành phẩm	83.478.050.551	87.770.255.205
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.819.963.636	1.740.465.191
Doanh thu khác	350.978.354	457.996.476
Cộng	85.648.992.541	89.968.716.872
<i>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan</i>	1.734.237.160	2.864.203.069
Công ty TNHH Kinh doanh Dược Thiên Thành	1.734.237.160	2.864.203.069

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	48.622.549.906	55.315.090.678
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	611.311.162	618.583.753
Giá vốn khác	33.188.369	246.316.966
Cộng	49.267.049.437	56.179.991.397

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.278.892.384	39.660.941.273
Chi phí nhân công	20.305.361.557	17.440.332.252
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.982.938.308	3.607.530.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.037.013.528	4.395.113.336
Chi phí khác bằng tiền	2.244.678.922	1.927.408.057
Chi phí dự phòng	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	<u>66.848.884.699</u>	<u>68.031.325.558</u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.591.683.375	3.944.890.452
Cộng	<u>2.591.683.375</u>	<u>3.944.890.452</u>

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	2.979.538.115	3.017.044.719
Chi phí khấu hao TSCĐ	254.725.440	254.725.440
Chi phí bằng tiền khác	548.425.915	750.793.755
Cộng	<u>3.782.689.470</u>	<u>4.022.563.914</u>
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	8.157.334.004	8.053.393.647
Chi phí đồ dùng văn phòng	881.215.441	870.910.499
Chi phí khấu hao TSCĐ	933.406.061	812.952.207
Thuế, phí, lệ phí	529.940.425	607.171.652
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.522.728.497	2.130.514.692
Chi phí bằng tiền khác	1.166.312.582	569.442.650
Chi phí dự phòng sửa chữa tài sản	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	<u>15.190.937.010</u>	<u>14.044.385.347</u>

Luau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	20.284.453.980	19.691.637.165
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	728.401.830	1.987.165.000
- Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	728.401.830	1.987.165.000
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	21.012.855.810	21.678.802.165
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.202.571.162	4.335.760.433

Ngoài các khoản chi phí không được trừ trên, Công ty tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể với cơ sở tính thuế. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.081.882.818	15.355.876.732
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Trích quỹ phúc lợi, khen thưởng (i)		(460.000.000)
- Trích thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (i)		(213.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	16.081.882.818	14.682.876.732
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.290.900	6.290.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.556	2.334

Ghi chú:

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 ngày 26 tháng 6 năm 2024, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2023 cho Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 460.000.000 VND và trích thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát do hoàn thành vượt kế hoạch năm 2023 là 213.000.000 VND. Theo đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm trước đã được trình bày lại do lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông bị thay đổi (lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trình bày trên báo cáo tài chính năm trước là 2.441 VND/cổ phiếu).

Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 chưa tính đến ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi và trích thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát do Công ty chưa xác định được chính xác giá trị được phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2024. Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024, quỹ phúc lợi, khen thưởng được phân phối từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 được tạm tính với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế và trích thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát với tỷ lệ 20% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch năm 2024. Tuy nhiên, giá trị chính xác được phân phối từ lợi nhuận sau thuế 2024 sẽ được phê duyệt tại Đại hội cổ đông năm 2025.

Handwritten signature

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**(i) Nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp giai đoạn 2009 - 2018**

Tại điều 7, Giấy chứng nhận đầu tư Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất Dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP - WHO số 19221000011 do Ban quản lý các khu công nghiệp Tỉnh Vĩnh Phúc (sau này là Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 17 tháng 7 năm 2007 quy định về ưu đãi đầu tư mà Dự án đầu tư được hưởng, theo đó: Dự án đầu tư nêu trên thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm 5, phụ lục I (Dự án sản xuất thuốc chữa bệnh cho người đạt tiêu chuẩn GMP quốc tế) và đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn quy định tại điểm 55, phụ lục II của Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ nên được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: thuế suất 10% được áp dụng trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh. Được miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Công ty đã áp dụng và tính nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hàng năm (giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2018) theo quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư. Tuy nhiên, trong năm 2020, khi cơ quan thuế Thành phố Hà Nội kiểm tra quyết toán cho kỳ tính thuế năm 2019 đã xác định Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội không được hưởng ưu đãi thuế theo Giấy chứng nhận đầu tư số 19221000011 cấp lần đầu ngày 17 tháng 7 năm 2007. Cục thuế Thành phố Hà Nội đã ra quyết định truy thu số ưu đãi thuế không được hưởng của năm 2019 và Công ty đã chấp hành nộp bổ sung theo quyết định của cơ quan thuế.

Sau khi thực hiện theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế năm 2020 của Cục thuế Thành phố Hà Nội và qua nhiều lần làm việc trực tiếp cũng như bằng các công văn giải trình từ năm 2020 đến nay: Cục thuế Thành phố Hà Nội và các cơ quan liên quan hiện không có bất kỳ quyết định liên quan đến việc áp dụng hồi tố toàn bộ ưu đãi thuế của Công ty được hưởng của giai đoạn 2010 - 2018 của dự án đầu tư tại Khu Công nghiệp Quang Minh của Công ty.

Việc xác định sau cùng về nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Công ty sẽ thực hiện nghĩa vụ bổ sung (nếu có) sau khi nhận được quyết định cuối cùng của cơ quan chức năng về nội dung này.

(ii) Chi phí hoàn nguyên đất với đất thuê tại Khu công nghiệp Quang Minh

Công ty có ký hợp đồng thuê đất trả tiền một lần tại Khu công nghiệp Quang Minh, Công ty đã xây dựng cơ sở hạ tầng trên đất thuê này để thực hiện Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất Dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP - WHO số 19221000011. Trong hợp đồng thuê đất không quy định rõ về nghĩa vụ hoàn nguyên khu đất thuê, do đó với hợp đồng thuê đất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là Công ty có thể có nghĩa vụ trong tương lai khi hết hạn thuê đất liên quan đến tháo dỡ, di dời các tài sản trên đất và phục hồi khu đất về tình trạng ban đầu và nghĩa vụ này chỉ có thể được xác định rõ ràng khi có thêm các sự kiện trong tương lai, như thỏa thuận với bên cho thuê đất, cơ quan có chức năng ban hành các quy định pháp luật nói rõ về nghĩa vụ của bên thuê khi hợp đồng không nói rõ nghĩa vụ hoàn nguyên của bên đi thuê. Do đó, Công ty chưa ghi nhận chi phí hoàn nguyên nào vào Báo cáo tài chính năm 2024.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản trong đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	6.724.048.942	40.471.368.730
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	91.828.967.327	82.710.984.509
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các Chính sách Kế toán chủ yếu

Chi tiết các Chính sách Kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.724.048.942	40.471.368.730
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.157.280.988	433.868.447
Các khoản đầu tư tài chính	52.554.695.847	13.236.448.381
Cộng	64.436.025.777	54.141.685.558
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	2.029.924.689	8.194.050.196
Chi phí phải trả	234.865.926	-
Cộng	2.264.790.615	8.194.050.196

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính nên Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong đó cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Handwritten signature

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.724.048.942	-	6.724.048.942
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.157.280.988	-	5.157.280.988
Các khoản đầu tư tài chính	52.554.695.847	-	52.554.695.847
Cộng	64.436.025.777	-	64.436.025.777
Số cuối năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	2.029.924.689	-	2.029.924.689
Chi phí phải trả	234.865.926	-	234.865.926
Cộng	2.264.790.615	-	2.264.790.615
Chênh lệch thanh khoản thuần	62.171.235.162	-	62.171.235.162

Handwritten signature

350
T
H
OÁ
O
H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.471.368.730	-	40.471.368.730
Phải thu khách hàng và phải thu khác	433.868.447	-	433.868.447
Các khoản đầu tư tài chính	13.236.448.381	-	13.236.448.381
Cộng	54.141.685.558	-	54.141.685.558
Số đầu năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	8.194.050.196	-	8.194.050.196
Chi phí phải trả	-	-	-
Cộng	8.194.050.196	-	8.194.050.196
Chênh lệch thanh khoản thuần	45.947.635.362	-	45.947.635.362

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

27. GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, ngoài số dư và giao dịch với các bên liên quan đã trình bày tại các Thuyết minh số 14, 15, và 18; Công ty còn có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà		
Cổ tức nhận được trong năm	5.032.720.000	2.516.360.000
Công ty TNHH Kinh doanh Dược Thiên Thành		
Nhận nguyên vật liệu gia công	979.248.950	606.120.600
Xuất trả hàng hóa gia công	1.734.237.160	2.864.203.069

Thu nhập từ lương, thưởng và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Hội đồng Quản trị		605.535.136	496.296.629
<i>Trong đó:</i>			
Bà Nguyễn Diệu Trinh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2024)	11.513.514	120.791.011
Bà Bùi Thị Minh Tâm	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2023 và miễn nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2024)	147.837.838	-
Bà Đỗ Thị Nga	Thành viên	111.545.946	88.357.303
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên	111.545.946	93.791.011
Và các thành viên khác (*)		223.091.892	193.357.304

Luau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập từ lương và thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát (Tiếp theo):

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
b) Ban kiểm soát		217.162.905	204.070.873
<i>Trong đó:</i>			
Ông Ngô Hồng Minh	Trưởng Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 18 tháng 09 năm 2023)	-	100.203.457
Bà Nguyễn Lan Hương	Thành viên	65.871.014	36.000.000
Và các thành viên khác (*)		151.291.891	67.867.416

Ghi chú:

(*) Trong đó thù lao năm 2024 của các thành viên khác thuộc Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được thanh toán trực tiếp cho Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà là 345.600.000 VND (năm 2023: 225.000.000 VND). Số tiền thù lao này được Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà thực hiện phân phối lại cho các cá nhân theo quy chế quản lý người đại diện của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà.

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
c) Ban Tổng Giám đốc		2.408.440.056	2.204.750.949
Bà Phạm Thị Tuấn	Tổng Giám đốc	1.425.893.183	1.292.671.947
Ông Bùi Hữu Việt	Phó Tổng Giám đốc	982.546.873	912.079.002
d) Kế toán trưởng		583.048.490	547.098.729
Ông Ngô Hồng Minh	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 27 tháng 9 năm 2023)	583.048.490	276.038.463
Bà Phạm Thị Minh Trang	Quyền Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023)	-	271.060.266

Thu nhập từ cổ tức được hưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Bà Đỗ Thị Nga	Thành viên Hội đồng Quản trị	1.229.743.000	2.198.201.400



Phạm Thị Tuấn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2025

Ngô Hồng Minh
Kế toán trưởng

Ngô Hồng Minh
Người lập